

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tấn X, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú tại: Số AB/XY Quốc lộ X, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 19XY; Địa chỉ thường trú: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hiện cư trú tại: Số AB Đường Nguyễn Thị R, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2023).

Bị đơn: Ông Phạm Sơn B, sinh năm 19AB; Địa chỉ cư trú tại: Số YZ ấp N, xã Nhon Thạnh T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà Nhân có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Tấn X và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 12 tháng 3 năm 2021, ông X có cho ông Phạm Sơn B vay số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn. Việc vay tiền được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của ông B. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký Giấy mượn tiền. Tuy nhiên hết thời hạn 12 tháng và đến nay, thời hạn vay đã lâu ông X nhiều lần gặp trực tiếp nhắc nhở yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B hứa hẹn và sau đó lần tránh không thực hiện nghĩa vụ.

Nay ông X khởi kiện yêu cầu ông B trả hết số tiền nợ là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Sơn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Mai Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông B trả số tiền nợ cho ông X trong một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn xác định chữ viết và chữ ký tên trong tờ “Giấy mượn tiền” ngày 12 tháng 3 năm 2021 là của ông B viết và ký tên vào mẫu có sẵn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Tấn X khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Phạm Sơn B có địa chỉ cư trú tại xã Nhơn Thạnh T, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ còn thiếu là 120.000.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn: Sau khi xem xét đơn khởi kiện, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, các đương sự đều có địa chỉ cư trú rõ ràng và không có đương sự ở nước ngoài, đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án theo Điều 316, 317 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn X thấy rằng: Ông X khởi kiện ông Phạm Sơn B yêu cầu trả số nợ đã vay là 120.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc tờ “Giấy mượn tiền” ngày 12 tháng 3 năm 2021 do ông B tự viết và ký tên vào mẫu do ông X soạn sẵn. Nội dung của Giấy mượn tiền thể hiện ông B có vay của ông Lê Tấn X số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Trong Giấy mượn tiền không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất khi vay và nguyên đơn xác định không tính lãi đối với bị đơn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông X và ông Vũ đã có xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông B không trả nợ cho ông X mặc dù đã được ông X nhắc nhở nhiều lần nhưng ông B lẩn tránh và đã để nợ quá hạn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X.

[5] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông B vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông X. Điều này cho thấy ông B đã biết được việc khởi kiện của ông X nhưng vẫn không có thiện chí thương lượng việc trả nợ theo yêu cầu khởi kiện và mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[7] Về phương thức thanh toán nợ: Ông X yêu cầu ông B trả một lần số nợ vay còn thiếu và không yêu cầu tính lãi. Thấy rằng, do ông B vi phạm nghĩa vụ đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X được pháp luật bảo vệ do đó việc ông X yêu cầu ông B trả nợ một lần là có căn cứ.

[8] Về việc không yêu cầu tính lãi: Khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc mà không yêu cầu bị đơn trả lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Tòa án chấp nhận.

[9] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định ngày 12 tháng 3 năm 2021, ông B có vay và còn nợ của ông X số tiền là 120.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông X là có căn cứ theo quy định tại các điều: 274, 463, 470 Bộ luật Dân sự, ông B phải có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền nợ vay còn thiếu là 120.000.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 316, 317, 320 và 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 280, 470, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Phạm Sơn B phải trả cho ông Lê Tấn X số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 12 tháng 3 năm 2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Sơn B phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Ông Lê Tấn X không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông X số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu số 0002349 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn